

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG KHƯƠNG
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST

Ngày 18/03/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG KHƯƠNG, TỈNH LÀO CAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Hải Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Xuân Chính.
- Ông Lý Văn Trường.

Thư ký phiên tòa: Ông Giàng Mạnh Vàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 03 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 103/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2024/QĐST - HNGĐ ngày 29/02/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lục Thị N**.

Địa chỉ: **thôn N, xã T, huyện M, tỉnh Lào Cai**. (Có đơn xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh **Lục Hồng Á**.

Địa chỉ: **thôn N, xã T, huyện M, tỉnh Lào Cai**. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 10 năm 2023 và bản tự khai ngày 12/10/2023 nguyên đơn chị **Lục Thị N** trình bày: chị và anh **Lục Hồng Á** lấy nhau năm 2009 và ngày 04/11/2009 đi đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Lào Cai**. Trước khi kết hôn anh, chị có tìm hiểu tự nguyện không ai bị ép buộc, thời gian đầu vợ, chồng sống hòa thuận hạnh phúc. Đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau thường xuyên bất đồng quan điểm sống trong cuộc sống hàng ngày và trong việc làm ăn xây dựng cuộc sống gia đình mặc dù đã được hai bên gia đình

khuyên bảo động viên nhưng không đoàn tụ được. Thời gian mâu thuẫn gần nhất vào năm 2023 vợ chồng không ai quan tâm đến nhau. Vì vậy chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Lục Hồng Á**.

Về con: Trước khi kết hôn anh, chị không ai có con riêng. Sau khi lấy nhau về sinh được một hai người con chung là **Lục Duy H**, sinh ngày 30/06/2010, cháu thứ hai là **Lục Thị H1** sinh ngày 04/6/2012 nguyện vọng của chị nếu được Tòa án giải quyết cho ly hôn chị sẽ chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Lục Thị H1** đến tuổi trưởng thành và nhường quyền cho anh Ánh chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **Lục Duy H** đến tuổi trưởng thành. không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản: Trước khi kết hôn anh, chị không ai có tài sản riêng. Sau khi lấy nhau về tạo dựng được một số tài sản nhưng anh, chị tự thỏa thuận, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ: anh, chị không nợ ai hoặc cho người khác vay nợ, vì vậy không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm Đại diện viện kiểm sát có ý kiến như sau:

+, Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về công tác xây dựng hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và đã chấp hành đúng các quy định của phiên tòa sơ thẩm, không vi phạm thủ tục tố tụng. Tòa án đã tổng đạt cho mẹ của bị đơn **Á** hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn **Lục Hồng Á** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định ngày xét xử nhưng bị đơn **Lục Hồng Á** không có mặt lần thứ hai Tòa án làm thủ tục niêm yết theo quy định nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết. Chị **Lục Thị N** có đơn xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết.

+, Về hướng giải quyết vụ án: Chị **Lục Thị N** và anh **Lục Hồng Á** xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2009 đến ngày 04/11/2009 đến Ủy ban nhân dân xã **L**, huyện **M**, tỉnh **Lào Cai** làm thủ tục đăng ký kết hôn. Trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn đó là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nhưng trong quá trình chung sống anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng tính tình không hợp dẫn đến bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi nhau. Vì vậy chấp nhận đơn khởi kiện của chị **N** về việc giải quyết ly hôn với anh Ánh, nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

Về con: Quá trình chung sống, anh chị sinh được hai người con chung là **Lục Duy H** sinh ngày 30/06/2010, cháu **Lục Thị H1** sinh ngày 04/6/2012 nguyện vọng của chị xin chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **H1** đến tuổi trưởng thành còn nhường cho anh Ánh chăm nom, nuôi dưỡng cháu **H** đến tuổi trưởng thành. Tòa án đã yêu cầu chị **N** cung cấp chứng cứ về mức thu nhập của chị có mức thu nhập là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), còn anh **Lục Hồng Á** có mức thu nhập từ

4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, mặc dù cả hai cháu khi Tòa án lấy ý kiến đều muốn ở với chị **N**, nhưng để đảm bảo cuộc sống của các cháu nên giao cho chị **N** chăm nom, nuôi dưỡng giáo dục cháu **Lục Thị H1** đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cho anh **Ánh** chăm nom, nuôi dưỡng giáo dục cháu **Lục Duy H** đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Vì vậy nên áp dụng khoản 1, 2 điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Khoản 1, 2 Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 tuyên về án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn anh **Lục Hồng Á** theo quy định tại điều 196 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh **Ánh** không có nhà nên **T** đã giao cho mẹ của anh **Ánh** là bà **Nguyễn Thị T1** nhưng anh **Ánh** không nộp hoặc gửi cho Tòa án văn bản hay ý kiến của mình đối với yêu cầu người khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo. Tòa án đã thông báo tiếp cận công khai cứng cứ niêm yết hợp lệ nhưng anh **Ánh** cố tình không đến tham gia tiếp cận công khai chứng cứ. Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ. Tòa án đã thông báo hòa giải có niêm yết theo quy định nhưng anh **Ánh** không tham gia hòa giải nên đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho mẹ anh **Ánh** nhưng bị đơn **Lục Hồng Á** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định ngày xét xử nhưng bị đơn **Lục Hồng Á** không có mặt. Chị **Lục Thị N** có đơn xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án là phù hợp.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lục Thị N** và anh **Lục Hồng Á** xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2009 đến ngày 04/11/2009 đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **M**, tỉnh **Lào Cai**.

Trước khi kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện kết hôn đó là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Nhưng trong quá trình chung sống anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng tính tình không hợp dẫn đến bất đồng quan điểm sống vợ chồng hay cãi nhau. Vì vậy chấp nhận đơn khởi kiện của chị **N** về việc giải quyết ly hôn với anh **Ánh**, nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

[3]. Về con: Quá trình chung sống anh, chị sinh được hai người con chung là **Lục Duy H** sinh ngày 30/06/2010, cháu **Lục Thị H1** sinh ngày 04/6/2012 nguyện vọng của chị **N** xin chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cháu **H1** đến tuổi trưởng thành còn nhường cho anh **Ánh** chăm nom, nuôi dưỡng cháu **H** đến tuổi trưởng

thành. Tòa án đã yêu cầu chị **N** cung cấp chứng cứ về mức thu nhập của chị có mức thu nhập là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), còn anh **Lục Hồng Á** có mức thu nhập từ 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) đến 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), mặc dù cả hai cháu khi Tòa án lấy ý kiến đều muốn ở với chị **N**, nhưng để đảm bảo cuộc sống sau này của các cháu nên giao cho chị **N** chăm nom, nuôi dưỡng giáo dục cháu **Lục Thị H1** đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cho anh **Ánh** chăm nom, nuôi dưỡng giáo dục cháu **Lục Duy H** đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Vì vậy nên áp dụng khoản 1, 2 điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Khoản 1, 2 Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình để giải quyết.

[4]. Về tài sản: Chị **N** và anh **Ánh** có tài sản chung nhưng đã tự thỏa thuận nên không giải quyết, về khoản nợ anh, chị không nợ ai hoặc cho người khác vay nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị **Lục Thị N** phải chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56 ; Khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; khoản 1,2 Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình. Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của bộ luật tố tụng dân sự.

Về hôn nhân: Xử cho chị **Lục Thị N** được ly hôn Anh **Lục Hồng Á**.

Giao cháu **Lục Duy H** sinh ngày 30/06/2010 cho anh **Lục Hồng Á** chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi,

Giao cháu **Lục Thị H1** sinh ngày 04/06/2012 cho chị **Lục Thị N** chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Chị **Lục Thị N** và Anh **Lục Hồng Á** có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị **N** anh **Ánh** thực hiện quyền này.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Chị **Lục Thị N** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu A C - 21P Số: 0006705 ngày 12/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Chị **Lục Thị N** và anh **Lục Hồng Á** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh+ huyện;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM Thẩm phán – Chủ tọa phiên**

- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Thanh Bình;
- Các đương sự;
- Lưu tập án
- Lưu hồ sơ.

tòa

Đặng Hải Quân

-